

Đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo: nhận thức mới từ tiếp cận nghiên cứu so sánh

Bùi Minh Trí*

Nhận ngày 3 tháng 9 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 12 năm 2021.

Tóm tắt: Óc Eo là nền văn hóa lâu đời và rất nổi tiếng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (Nam Bộ, Việt Nam). Tại các địa điểm khảo cổ học văn hóa Óc Eo, các cuộc khai quật đã tìm thấy số lượng lớn các loại hình đồ gốm, gọi là gốm Óc Eo. Sự tương đồng rộng rãi và phổ biến của đồ gốm Óc Eo giữa các di chỉ cho thấy một truyền thống sản xuất gốm bản địa vốn có rất từ lâu đời. Nhưng những nghiên cứu mới gần đây đã phát hiện nhiều đồ gốm nước ngoài trong các bộ sưu tập đồ gốm Óc Eo. Đây là phát hiện mới rất quan trọng, góp phần minh họa rõ ràng hơn về mối quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa của đô thị cổ Óc Eo trong lịch sử. Dựa trên kết quả nghiên cứu đồ gốm tại di tích Nền Chùa (Kiên Giang) và Gò Giồng Cát, Lung Lớn (An Giang), bài viết giới thiệu một số phát hiện mới về đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo cùng những kiến giải mới về vị trí, vai trò của đô thị cổ Óc Eo trong lịch sử thương mại quốc tế.

Từ khóa: Đồ gốm nước ngoài, văn hóa Óc Eo, Nam Bộ, Việt Nam.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: Óc Eo is an old and very famous culture in the Mekong Delta (Southern region, Vietnam). At the archaeological sites of the Óc Eo culture, excavations have found a large number of types of pottery, called Óc Eo pottery. The wide similarities and popularities of Óc Eo pottery between sites indicates a very old tradition of indigenous pottery production. But recent studies have discovered many foreign ceramics in the Óc Eo pottery collections. This is a very significantly new discovery, contributing to a clearer illustration of the economic and cultural exchange relationship of Óc Eo ancient town in history. Based on the results of research on ceramics at Nền Chùa (Kiên Giang province) and Gò Giồng Cát, Lung Lớn (An Giang province), this article will introduce some new discoveries about foreign ceramics in Óc Eo culture, and new insights on the position and role of the ancient town of Óc Eo in the history of international trade.

Keywords: Foreign ceramics, Óc Eo culture, Southern region, Vietnam.

Subject classification: Archeology

* Viện Nghiên cứu Kinh thành, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tri_vnceramics@yahoo.com

1. Mở đầu

Óc Eo là nền văn hóa lâu đời và nổi tiếng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (Nam Bộ, Việt Nam), có niên đại kéo dài từ thế kỷ I-II đến thế kỷ thứ VII-VIII sau Công nguyên. Địa điểm mang tên gọi của nền văn hóa này được phát hiện tại cánh đồng Óc Eo dưới chân núi Ba Thê (nay thuộc huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) bởi Louis Malleret, nhà khảo cổ học người Pháp vào năm 1942.

Số lượng lớn các loại hình di tích, di vật của nền văn hóa Óc Eo phát hiện được từ những cuộc đào chính thức và không chính thức tại các di tích khảo cổ học trong nhiều thập kỷ qua ở 13 tỉnh và thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long đã minh chứng sinh động về quy mô vô cùng rộng lớn cùng sự tồn tại và phát triển rực rỡ, đỉnh cao của nền văn hóa Óc Eo tại vùng đất Nam Bộ ngày nay.

Trong chặng đường gần 80 năm nghiên cứu kể từ khi phát hiện cho đến nay, các nhà khoa học trong nước và quốc tế cơ bản thống nhất nhận định rằng, Óc Eo là một đô thị cổ nằm trên con đường thương mại biển kết nối giữa phương Đông và phương Tây. Tại di tích văn hóa Óc Eo, các nhà khảo cổ đã phát hiện được một số loại hình di vật có nguồn gốc từ nước ngoài như tiền vàng La Mã đức Hoàng đế Antonius (138-161), Aurelius (161-180), đèn đồng Ba Tư, gương đồng, tiền Ngũ Thù thời Đông Hán (Trung Quốc) và nhiều hiện vật khắc chữ nước ngoài như chữ Hán, Brahmi/Sanskrit, Mã Lai cổ... Bằng chứng này cho thấy, Óc Eo là nền văn hóa có quan hệ giao lưu rất rộng rãi với thế giới Đông Nam Á, Ấn Độ, La Mã, Trung Hoa thời cổ đại. Trong đó, quan hệ sâu đậm và để lại nhiều dấu ấn vật chất nhất trong nền văn hóa này là văn minh Ấn Độ (L. Malleret 1959, 1960, 1962; Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải, 1995; Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018).

Trong các cuộc khai quật khảo cổ học tại các địa điểm của văn hóa Óc Eo, số lượng di vật được tìm thấy nhiều nhất, phong phú nhất là các loại hình đồ gốm. Các loại hình đồ gốm này đều được giới nghiên cứu xác định là đồ gốm Óc Eo, tức là gốm bản địa. Theo đó, từ trước tới nay, các nhà nghiên cứu dường như chưa có khái niệm rõ ràng về đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo, ngoại trừ hai chiếc đèn gốm nêu dưới đây.

Hai chiếc đèn dầu mang phong cách La Mã tại Bảo tàng Cần Thơ và Bảo tàng An Giang có lẽ là hai hiện vật hiếm hoi được xác định là đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo. Theo các nhà nghiên cứu, chiếc đèn Bảo tàng Cần Thơ “có đặc điểm cấu trúc và hình dáng gần gũi với loại đèn dầu hình chim ở vùng Trung Á, Địa Trung Hải và Bắc Phi, là sản phẩm của quá trình trao đổi và du nhập các thành tố văn hóa ngoại nhập trong Văn hóa Óc Eo” (Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018, tr.507). Chiếc đèn Bảo tàng An Giang là “loại đèn dầu có hình chiếc bình với vòi ngắn làm chỗ gắn bắc với lỗ xỏ dây được tìm thấy khá phổ biến trong thời kỳ La Mã ở vùng Địa Trung Hải” (Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018, tr.507).

Chúng tôi rất ngạc nhiên về sự vắng bóng của các loại hình đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo, một nền văn hóa phát triển mạnh mẽ và nổi tiếng có sự giao lưu kinh tế, văn hóa rộng mở với thế giới bên ngoài như nói đến ở trên. Theo đó, từ năm 2017, khi được giao nhiệm vụ chủ trì khai quật, nghiên cứu khảo cổ học khu di tích Nền Chùa

(Kiên Giang) và nhiệm vụ khoa học của Đề án nghiên cứu văn hóa Óc Eo của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam¹, việc đầu tiên chúng tôi thực hiện là nghiên cứu hệ thống các loại hình “đồ gốm Óc Eo” tại các bảo tàng ở miền Tây Nam Bộ, trong đó tập trung nhiều là Bảo tàng An Giang, Bảo tàng Kiên Giang, Bảo tàng Cần Thơ và Bảo tàng Đồng Tháp. Đây là những nơi có sưu tập phong phú về đồ gốm văn hóa Óc Eo đào được tại các di tích. Kết quả sau gần hai năm nghiên cứu, bước đầu chúng tôi đã phát hiện khá nhiều đồ gốm nước ngoài nằm trong những sưu tập “đồ gốm Óc Eo”, bao gồm đồ gốm Ấn Độ, Trung Quốc và Tây Á (Bùi Minh Trí, 2020, tr.43).

Dựa trên kết quả nghiên cứu đồ gốm tại các bảo tàng, kết quả nghiên cứu so sánh, đặc biệt là những phát hiện mới của khảo cổ học tại khu di tích Nền Chùa (Kiên Giang) và khu di tích Óc Eo - Ba Thê (An Giang) năm 2017-2020, bài viết này giới thiệu một số phát hiện mới quan trọng về đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo cùng với những kiến giải mới sâu hơn về mối giao lưu kinh tế, văn hóa của nền văn hóa Óc Eo bằng cách xem xét kỹ lưỡng nguồn gốc, tìm hiểu lịch sử cũng như tầm quan trọng của những đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo.

2. Đồ gốm Ấn Độ

2.1. Đặc sắc mảnh bình người ngồi chơi đàn Vina

Đồ gốm Ấn Độ đầu tiên được phát hiện trong sưu tập đồ gốm Óc Eo tại Bảo tàng Kiên Giang là mảnh bình gốm đẹp trang trí phù điêu hình người đang ngồi chơi đàn, có

¹ Nghiên cứu văn hóa Óc Eo - Nam Bộ là Đề án khoa học có quy mô lớn, thuộc nhiệm vụ của Chính phủ Việt Nam, do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện từ năm 2017-2021. Tham gia thực hiện Đề án là 3 đơn vị hàng đầu về khảo cổ học tại Việt Nam, đó là: Viện Nghiên cứu Kinh thành, Viện Khảo cổ học và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ. Nhiệm vụ chính của Đề án là khai quật, nghiên cứu khảo cổ học văn hóa Óc Eo tại các di tích ở Óc Eo - Ba Thê (huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) và di tích Nền Chùa (huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) nhằm thu thập tư liệu và làm rõ lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa Óc Eo, đồng thời nghiên cứu sâu hơn về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của đô thị cảng Óc Eo trong lịch sử Việt Nam và khu vực Đông Nam Á và châu Á.

Từ năm 2017-2020, Viện Khảo cổ học và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ tiến hành khai quật khảo cổ học khu di tích Óc Eo - Ba Thê với quy mô lớn, có diện tích trên 16.000 m² tại hai khu vực cánh đồng Óc Eo và núi Ba Thê với 8 địa điểm: gò Gòng Cát, gò Giồng Trôm, gò Óc Eo, Lung Lớn (cánh đồng Óc Eo), gò Sáu Thuận, Gò Út Trạnh, chùa Linh Sơn, Linh Sơn Bắc (núi Ba Thê).

Từ năm 2018-2020, Viện Nghiên cứu Kinh thành tiến hành khai quật khu di tích Nền Chùa với diện tích 8.000 m². Đây là khu di tích nằm dưới cánh đồng bằng phẳng, cách Óc Eo - Ba Thê khoảng 12 km theo đường chim bay về phía đông.

Kết quả khai quật tại Óc Eo - Ba Thê (An Giang) và Nền Chùa (Kiên Giang) năm 2017-2020 đã phát hiện được nhiều loại hình di tích quan trọng, như: kiến trúc đền tháp, các loại giếng nước, hồ nước được xây dựng bằng gạch, đá cùng nhiều loại hình di tích cư trú, sinh hoạt, sản xuất thủ công ven lung nước cổ. Đặc biệt, cuộc khai quật này đã đưa lên khỏi lòng đất một số lượng cực kỳ phong phú, đa dạng các loại hình di vật, trong đó nhiều nhất là đồ gốm và đồ trang sức bằng thủy tinh. Kết quả khai quật này đã phát hiện được nhiều vấn đề khoa học mới, minh chứng sáng rõ hơn lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa Óc Eo từ thế kỷ I đến thế kỷ VIII sau Công nguyên, trong đó thế kỷ IV-VI là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất.

Tác giả bài viết này là thành viên của Ban Chủ nhiệm Đề án nghiên cứu văn hóa Óc Eo của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và là Chủ nhiệm chương trình khai quật, nghiên cứu khảo cổ học di tích Nền Chùa (Kiên Giang).

phong cách nghệ thuật khác biệt và hoàn toàn xa lạ với đồ gốm Óc Eo. Đây có thể là loại gốm được mang đến từ bên ngoài, không phải là gốm bản địa. Hình người ngồi chơi đàn gợi ý đến nguồn gốc Ấn Độ, từ đây chúng tôi đã tìm hiểu về gốm Ấn Độ và loại đàn được diễn tả khá hiện thực trên mảnh bình gốm đặc biệt này.

Chúng ta biết rằng, trong lịch sử cổ trung đại ở Ấn Độ hay La Mã, những đồ gốm trang trí phù điêu được biết đến là đồ cao cấp, đắt tiền và nó thường được dành cho tầng lớp thượng lưu giàu có trong xã hội đương thời. Mảnh bình gốm trang trí phù điêu hình người ngồi chơi đàn ở Bảo tàng Kiên Giang là một ví dụ điển hình về loại đồ gốm cao cấp này. Đây cũng là mảnh bình đặc sắc nhất và quý hiếm nhất từ trước đến nay trong các sưu tập đồ gốm Óc Eo phát hiện được tại đồng bằng sông Cửu Long (Hình 1). Mảnh bình gốm này đã từng được Lê Thị Liên bình luận trong hai bài viết năm 1997 và năm 2001. Theo mô tả của tác giả, thì đây là sản phẩm gốm Óc Eo (gốm bản địa), được thợ gốm Óc Eo chế tác phỏng theo nghệ thuật đồ gốm vùng Nam Ấn Độ và là bằng chứng về buổi đầu tiếp xúc với Ấn Độ ở đồng bằng sông Cửu Long, nó có niên đại “khoảng đầu thế kỷ thứ II đến trước thế kỷ thứ IV sau Công nguyên” (Lê Thị Liên, 1997, tr.696; 2001, tr.35-36). Mảnh bình nổi tiếng này gần đây cũng được công bố trong một ấn phẩm khá nổi tiếng ở Việt Nam, nó được xác định là đồ gốm Óc Eo (Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018).

Khi bước vào nhiệm vụ nghiên cứu văn hóa Óc Eo, chúng tôi nhận thức rõ một điều rằng, Óc Eo là một nền văn hóa lớn, hội tụ nhiều yếu tố văn hóa ngoại sinh, đặc biệt là văn hóa Ấn Độ, do đó cần phải có phương pháp tiếp cận nghiên cứu. Trong đó, điều quan trọng đầu tiên là cần phải có những nghiên cứu chuyên sâu mang tính hệ thống về đồ gốm Óc Eo, tập hợp và xác lập các tiêu chí đặc trưng chuẩn về đồ gốm Óc Eo, đặc biệt là phải có những tri thức hay những hiểu biết nhất định về đồ gốm nước ngoài nói chung, gốm Ấn Độ nói riêng trong cùng bối cảnh lịch sử văn hóa Óc Eo cũng như cần phải có những thông tin tin cậy về tình hình nghiên cứu khảo cổ học tại Ấn Độ và các nước trong khu vực.

Sau một thời gian nghiên cứu đồ gốm Óc Eo trong các bảo tàng và khu di tích Nền Chùa, Óc Eo - Ba Thê, và qua nghiên cứu so sánh về chất liệu, kỹ thuật và nghệ thuật của đồ gốm Ấn Độ, đồ gốm Sri Lanka, đồ gốm Roma hay đồ gốm Trung Quốc và đồ gốm Đông Nam Á, chúng tôi nhận thấy mảnh bình gốm của Bảo tàng Kiên Giang nói đến ở đây không phải là đồ gốm Óc Eo bản địa, mà là một trong số đồ gốm Ấn Độ hiếm quý được tìm thấy trong văn hóa Óc Eo (Bùi Minh Trí, 2020). Nhận định này được dựa vào ba dữ liệu nêu dưới đây.

Thứ nhất, đây là mảnh bình độc đáo, duy nhất hiện nay tìm được trong văn hóa Óc Eo, nghĩa là nó không phải là loại đồ gốm được sản xuất phổ biến trong thời kỳ Óc Eo. Mặt khác, hoa văn trang trí bằng kỹ thuật in khuôn rời mà ta có thể nhận thấy khá rõ trên mảnh gốm này chưa bao giờ là truyền thống kỹ thuật của gốm Óc Eo bản địa.

Thứ hai, mảnh bình này có xương gốm rất cứng và khá mịn, trong xương pha trộn cát mịn màu trắng lẫn các hạt tạp chất màu đen và có nhiều lỗ nhỏ. Đặc điểm này rất khác biệt so với xương gốm Óc Eo. Đáng lưu ý hơn là bên trong của mảnh bình được quét một lớp áo màu đen khá nhẵn bóng giống như kỹ thuật trên đồ gốm xám mịn (Fine Grey Pottery) vùng Tissamaharama ở Sri Lanka (Heidrun Schenk, 2014) hay gốm xám mịn vùng Uttar

Pradesh, Bắc Ấn Độ (B.R. Mani, 2010). Kỹ thuật này chưa từng thấy trên đồ gốm Óc Eo và dường như là một yếu tố kỹ thuật rất khác biệt so với truyền thống gốm Óc Eo.

Thứ ba, nét đặc sắc và độc đáo nhất của mảnh bình này là trên thân nó được trang trí phù điêu hình người phụ nữ đang ngồi chơi đàn bên cạnh là một người đàn ông đang vỗ tay theo nhịp điệu của tiếng đàn mà người phụ nữ đang chơi. Hình hai người ngồi chơi đàn được mô tả rất sống động bên trong khung diềm trang trí nổi hình hạt chuỗi, ở góc bên trái của khung diềm khác còn thấy mô tả hình một con sư tử nhỏ có đuôi uốn cong lên, mang phong cách đặc trưng của nghệ thuật Ấn Độ.

Hình người phụ nữ ngồi chơi đàn và hình ảnh cây đàn là yếu tố nghệ thuật đặc sắc nhất được đặc biệt chú ý trong nghiên cứu giải mã về nguồn gốc và niên đại. Cây đàn trên mảnh bình này đã từng được định danh là *đàn harp* (Lê Thị Liên, 1997). Nghiên cứu so sánh từ nghệ thuật Ấn Độ cho thấy đây là loại *đàn Vina*, là một trong những nhạc cụ được mô tả phổ biến nhất trong nghệ thuật biểu tượng của Ấn Độ. Đây là loại đàn truyền thống lâu đời, rất nổi tiếng và có vai trò quan trọng nhất trong hệ thống âm nhạc của Ấn Độ. Trong văn hóa Ấn Độ, Vina còn có những tên gọi khác là Vana và Veena, được mô tả là một loại nhạc cụ dây bảy với các phím đàn. Các bản văn tiếng Phạn ban đầu gọi bất kỳ nhạc cụ có dây nào đều là Vana, chúng bao gồm các nhạc cụ có dây (N. B. Divatia 1930-31; Upendra Thakur 1974; Roda, Allen 2000).

Nhiều tác phẩm điêu khắc Ấn Độ từ giữa thiên niên kỷ thứ nhất sau Công nguyên mô tả các nhạc sĩ chơi nhạc cụ dây là loại đàn Veena. Vào khoảng thế kỷ thứ VI sau Công nguyên, các tác phẩm điêu khắc nữ thần Saraswati chủ yếu là với Veena của phong cách đàn tam thập lục, tương tự như phong cách hiện đại. Saraswati là nữ thần Ấn Độ về tri thức, âm nhạc, nghệ thuật, trí tuệ và học tập. Tính năng nổi tiếng nhất trên Saraswati là một nhạc cụ gọi là Veena, đại diện cho tất cả các môn khoa học và nghệ thuật sáng tạo, và cô ấy cầm nó tượng trưng cho việc thể hiện kiến thức tạo ra sự hài hòa (N.B. Divatia, 1930-31; Roda Allen, 2000; Piyal Bhattacharya and Shreetama Chowdhury, 2021).

Để làm rõ hơn nguồn gốc và niên đại của mảnh bình, chúng tôi đã tiếp cận tư liệu tiền kim loại cổ của Ấn Độ. Thật thú vị là trong số tiền bạc và tiền vàng Samudragupta của Ấn Độ, có loại tiền đúc nổi hình người đàn ông đang ngồi chơi đàn Vina đặt trên đùi mang những đặc điểm tương đồng với mảnh gốm của Bảo tàng Kiên Giang (Hình 2). Hình người đàn ông đang ngồi chơi đàn Vina mô tả trên đồng tiền là nhà vua Samudragupta và mặt sau mang hình ảnh nữ thần Laksmi ngồi trên một chiếc ghế đầu. Loại tiền này có niên đại trong khoảng năm 335-375, thời kỳ Gupta (Upendra Thakur, 1974, tr.121-125). Một di vật khác được chúng tôi nghiên cứu so sánh là một phù điêu trang trí trên đền thờ bằng đất nung hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Anh quốc ở London. Theo thông tin từ Bảo tàng Anh quốc, thì phù điêu này mô tả một nhạc sĩ đến từ miền Trung Ấn Độ thời kỳ Gupta, đang ngồi chơi đàn Veena, có niên đại vào thế kỷ V sau Công nguyên. Đáng lưu ý là gương mặt, mái tóc của người phụ nữ này có nhiều nét gần gũi với hình phụ nữ trên mảnh bình ở Bảo tàng Kiên Giang (Hình 3).

Những bằng chứng xác thực nêu trên cho thấy, mảnh bình gốm ở Bảo tàng Kiên Giang mang đặc trưng phong cách nghệ thuật Gupta, là đồ gốm Ấn Độ, những vật phẩm mang từ Ấn Độ, không phải là gốm Óc Eo bản địa và nó có niên đại trong khoảng thế kỷ IV-V sau Công nguyên (Bùi Minh Trí, 2020).



2.2. Đồ chơi trẻ em

Phát hiện thứ hai về đồ gốm Ấn Độ tại Bảo tàng Kiên Giang là tượng con bò nhỏ bằng đất nung. Con bò này mang kí hiệu BTKG.436, có kích thước dài 16,8 cm, cao 8,9 cm được phát hiện ngẫu nhiên tại di tích Cạnh Đèn năm 1993 (Hình 4). Đây là hiện vật từng được các nhà nghiên cứu công bố trong các công trình nghiên cứu và xác định là di vật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, dạng tượng thờ: “Tượng bò đực (Nadin) - là vật cưỡi và là một biểu tượng của thần Shiva” (Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018, tr.313).

Tượng bò này cũng là loại hiện vật hiếm hoi được tìm thấy trong văn hóa Óc Eo tính đến thời điểm hiện nay. Đáng lưu ý là ở một bên phần cổ của tượng bò có khoét một lỗ tròn nhỏ bằng đầu đũa. Từ manh mối này, chúng tôi đã thử đi tìm chức năng của nó. Tại Bảo tàng quốc gia Delhi và Pakistan có trưng bày nhiều loại hình đồ gốm đất nung khai quật được tại vùng Văn minh Thung lũng Indus, trong đó có vô số di vật được làm cho trẻ em, khiến người ta tin rằng, thực tế là trẻ em đã tham gia vào rất nhiều trò chơi. Trong sưu tập di vật đặc biệt đó, ta có thể thấy khá nhiều là tượng bò kéo xe, trên xe chở các đồ gốm hoặc các loại đồ vật khác. Mỗi xe kéo thường có 2 con bò và nó được mô phỏng theo hiện thực. Trên cổ hoặc vai của tượng bò người ta thường khoét một lỗ tròn nhỏ bằng đầu đũa để xỏ đòn xe kéo (Hình 5,6).

Tượng bò ở Bảo tàng Kiên Giang mang đầy đủ đặc điểm này. Vì thế, chúng tôi nghĩ đây là đồ chơi của trẻ em, không phải là di vật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Nghiên cứu về hình dáng và chất liệu cùng tính không phổ biến của nó, tôi cho rằng, nhiều khả năng nó có nguồn gốc từ Ấn Độ và có niên đại trong khoảng thế kỷ IV-VI sau Công nguyên (Bùi Minh Trí, 2020).

Tại di tích Nền Chùa, chúng tôi cũng đào được một số đồ chơi của trẻ em. Đó là những viên bi được làm bằng đất nung hay được ghè đẽo từ các hòn đá trắng, đặc biệt là những mảnh gốm vỡ được ghè tròn có kích thước lớn hơn đồng xu để chơi trò “ô ăn quan”, một loại trò chơi dân gian rất phổ biến ở Bắc Việt Nam. Việc tìm thấy đồ chơi trẻ em đã

góp phần phản ánh rõ hơn về tính chất cư trú của khu vực, đồng thời gợi mở những hiểu biết của chúng ta về sự phong phú, đa dạng của các loại hình đồ gốm trong văn hóa Óc Eo cùng với những tầng lớp trong xã hội sử dụng chúng.

2.3. Bình hình con vịt

Hiện vật thứ ba nói đến ở đây là chiếc cổ bình được tạo dáng hình đầu con ngỗng (thiên nga) hay con vịt khá hiện thực (Hình 7). Đây cũng là hiện vật rất đặc biệt và không phải loại hình đồ gốm phổ biến trong văn hóa Óc Eo. Hiện nay, trong văn hóa Óc Eo mới tìm thấy khoảng 5-6 hiện vật, trong đó chủ yếu được tìm thấy ở Kiên Giang và Đồng Tháp. Mặc dù được tìm thấy ở các địa điểm khác nhau và có chất liệu, màu sắc khác nhau, nhưng phong cách tạo hình của chúng khá thống nhất (Hình 8). Các hiện vật này đều bị vỡ, chỉ tìm thấy phần đầu và cổ của một con ngỗng hay con vịt, do đó phần thân của nó có hình dáng như thế nào là điều bí ẩn. Điều này đã đem lại rất nhiều khó khăn khi nghiên cứu về loại hình, nguồn gốc và chức năng.



7. Vòi bình tạo hình đầu con vịt, đất nung, thế kỷ IV - V. Bảo tàng Kiên Giang.
Nguồn: Bùi Minh Trí



8. Vòi bình tạo hình đầu con vịt, đất nung, thế kỷ IV - V. Di tích Nền Chùa (Kiên Giang)
Nguồn: Bùi Minh Trí



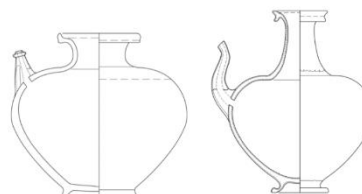
9. Bình hình con vịt, đất nung, Roma, thế kỷ IV - III BCE. Nguồn: Etruscan Art in the Metropolitan Museum



10. Bình hình con vịt, đất nung, Roma, thế kỷ I AD. Nguồn: Etruscan Art in the Metropolitan Museum



11. Đồ gốm mỹ nghệ và đồ gốm tinh xảo màu cam tìm thấy tại Angkor Borei. Theo: Stark, Miriam T. & Shawn Fehrenbach, 2019: Fig.4.



12. Bình kendi, gốm Óc Eo, thế kỷ III - V.
Nguồn: Bùi Minh Trí

Nghiên cứu cấu trúc lỗ rót nước ở cổ và đầu mỏ con vịt có thể thấy, đây là một dạng vòi rót của một bình đựng nước được mô phỏng theo hình đầu con vịt, gọi là vòi bình đầu con vịt. Từ đó ta có thể suy đoán chức năng của nó thuộc về một loại bình đựng nước được tạo dáng nghệ thuật hình một con vịt. Nghiên cứu lịch sử về loại bình độc đáo này, chúng ta có thể

thấy rõ nhất là ở Roma và Trung Quốc. Ở Roma có rất nhiều loại bình hình con vịt được làm từ đất nung hay thủy tinh. Trong đó, loại bình Duck-Askos vùng Etruscan là phổ biến và đặc sắc nhất (Mario A. Del Chiaro, 1986). Bình gốm Etruscan được tạo dáng hình con vịt khá hiện thực, trên thân có tay cầm và một cái cổ tròn hình trụ để lấy nước vào trong bình. Thân bình được sơn phủ màu đen, khắc vẽ hoa văn hình học màu trắng và đắp nổi hoặc vẽ những hình người khỏa thân với đường nét tinh xảo. Đây là loại bình có niên đại khá sớm, khoảng từ thế kỷ IV trước Công nguyên (Hình 9). Chức năng của loại bình này từng được tranh luận khá sôi nổi. Nhiều cái dường như quá lớn để được sử dụng cho các loại dầu thơm đắt tiền, thay vào đó có thể là bình chứa dầu đèn hoặc dầu ô liu, một số ý kiến khác cho rằng, nó có thể liên quan đến rượu. Tại di chỉ thung lũng Indus Ấn Độ, người ta cũng tìm thấy loại bình hình chim bằng đất nung, nhưng không mô tả hiện thực và sống động như gốm Roma. Ở Trung Quốc, loại bình cổ ngỗng cũng đã có từ thời Hán và được làm chủ yếu là bằng đồng, chưa thấy loại bình cổ ngỗng làm bằng đất nung.

Nghiên cứu so sánh về tạo hình, chúng ta có thể thấy vôi bình đầu con vịt ở Bảo tàng Kiên Giang có nhiều nét khá tương đồng với kiểu cổ vịt trên chiếc bình gốm hay bình thủy tinh của Roma. Đặc điểm tương đồng ở đây là đầu con vịt tạo khối thon đều và có cái mỏ tròn, không tạo dẹt giống như mỏ con vịt. Chiếc bình thủy tinh Roma có niên đại thế kỷ I sau Công nguyên, được mô phỏng khá hiện thực hình con vịt đang bơi với cái cổ vươn dài về phía trước (Hình 10).

Những tham chiếu tưởng chừng rất xa xôi này nhưng sẽ lại mang nhiều hữu ích cho chúng ta trong việc hình dung rõ ràng hơn về tính chất rất đặc biệt của loại bình hình con ngỗng hay con vịt trong văn hóa Óc Eo. Hình ảnh này gợi mở cho chúng ta những nghiên cứu truy tìm nguồn gốc cùng mối quan hệ và sự ảnh hưởng giữa các nền văn hóa trong những thế kỷ đầu Công nguyên.

Chúng ta cũng biết rằng, cảm hứng sáng tạo tuyệt vời của các nghệ nhân gốm đối với các loại bình đựng nước mang hình dáng động vật hay loại bình có những chiếc vôi tạo hình đầu động vật vốn khá phổ biến ở nhiều nền văn hóa trên thế giới, được đánh giá là loại đồ gốm độc đáo và đặc sắc trong các sưu tập đồ gốm (Bùi Minh Trí, 2001). Nhưng trong văn hóa Óc Eo, dường như đây là một khoảng trống. Do đó, nghiên cứu giải mã hình dáng, nguồn gốc và chức năng của loại bình đặc biệt này có ý nghĩa rất quan trọng.

Xem xét về phong cách tạo hình và bối cảnh lịch sử khu vực châu Á và Nam Á, loại bình hình con vịt ở Bảo tàng Kiên Giang được liên tưởng đến mối quan hệ nào đó khá xa với loại bình con vịt của gốm Roma. Nhưng nghiên cứu phân tích về chất liệu, màu sắc thì cổ bình con vịt của Bảo tàng Kiên Giang có nhiều điểm khá tương đồng với mảnh gốm trang trí hình người ngồi chơi đàn Vina nói trên hay với vôi bình kundika của Ấn Độ nêu dưới đây. Vì vậy, mặc dù chưa có hình mẫu chuẩn để đối sánh và chưa có đủ cơ sở để khẳng định, nhưng cổ bình này được suy đoán có thể là đồ gốm Ấn Độ.

Như trên đã nêu, tại Nền Chùa và Đồng Tháp cũng đã tìm thấy những chiếc vôi bình hình đầu vịt có hình dáng giống như vôi bình ở Bảo tàng Kiên Giang. Nhưng đặc điểm khác biệt quan trọng nhất ở đây là về chất liệu. Các vôi bình hình đầu vịt tìm thấy tại Đồng Tháp và Nền Chùa đều được làm từ đất sét bùn có màu xám đen, xương mềm

và lẫn nhiều chất hữu cơ, bên ngoài được phủ một lớp áo màu đỏ hoặc màu vàng nhưng đã bị bong tróc do thời gian (Hình 8). Sự khác biệt căn bản về chất liệu gợi ý rằng, đây là những vôi bình được phỏng tác theo hình mẫu từ kiểu vôi bình của Bảo tàng Kiên Giang. Hay nói cách khác, đây là bình hình con vịt đích thực của gốm Óc Eo, được chế tác theo hình mẫu gốm nước ngoài, có thể là từ Ấn Độ. Tuy nhiên, giả thuyết này cần phải tiếp tục nghiên cứu để có câu trả lời trong tương lai.

2.4. *Kundika và kendi*

Nhóm đồ gốm Ấn Độ thứ tư nói đến ở đây là các kiểu vôi và loại bình có vôi mang dấu ấn đặc trưng của đồ gốm vùng Bắc Ấn Độ thời kỳ Gupta. Chúng ta biết rằng, các loại bình đựng nước có vôi nhưng không có tay cầm là loại hình đồ gốm độc đáo, khá phổ biến ở Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á, châu Á, được gọi là kundika hay kendi. Đây là loại bình có vai trò rất quan trọng trong các nghi lễ tôn giáo và trong đời sống hàng ngày đối với cư dân Ấn Độ, Đông Nam Á và châu Á trong lịch sử (Bùi Minh Trí, 2001; Bérénice Bellina and Ian Glover, 2004; Dawn F. Rooney, 2003).

Các loại bình kundika ở Ấn Độ thường có thân hình bầu dục và có cổ nhỏ thon dài với một lỗ nhỏ ở đầu, trên vai gắn một chiếc vôi ngắn với lỗ tròn to để rót nước (Akinori Uesugi, 2014; Bérénice Bellina and Ian Glover, 2004). Nước được đổ vào kundika qua vôi và ra ngoài bằng miệng, trong khi kendi được làm đầy nước từ miệng và được đổ nước ra từ vôi. Xét về mối liên kết ngôn ngữ, sự tương đồng về phong cách và chức năng, các nhà nghiên cứu cho rằng, kundika có nguồn gốc từ Ấn Độ, là một nguyên mẫu cho loại bình kendi ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, sự khác nhau về hình dáng, đặc biệt là cách thức lấy nước gợi ý đến chức năng riêng biệt của loại bình kundika ở Ấn Độ so với bình kendi ở Đông Nam Á (Dawn F. Rooney, 2003) (Hình 12 và 19).

Ở Nam Bộ, bình kendi có thể được tìm thấy ở bất kỳ địa điểm nào trong không gian của văn hóa Óc Eo, cho thấy đây là loại hình gốm đặc trưng, được dùng phổ biến và rộng khắp trong toàn khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Kendi Óc Eo rất phong phú, đa dạng về chất liệu và hình dáng, đi cùng với nó là các kiểu vôi có cấu tạo và kích thước cũng rất khác nhau, trong đó đặc sắc nhất là loại kendi gốm trắng mịn và vàng cam mịn. Trong các địa điểm khảo cổ học, các nhà nghiên cứu chủ yếu tìm thấy những chiếc vôi hay các phần cổ và phần đáy bình kendi đã bị vỡ, rất hiếm tìm thấy những chiếc bình nguyên vẹn, do đó việc xác định loại hình là rất khó khăn. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu hệ thống các sưu tập bình kendi còn đủ dáng hay còn nguyên vẹn đang lưu giữ tại các bảo tàng ở miền Tây Nam Bộ, chúng ta có thể tìm thấy mối quan hệ rất thú vị giữa kiểu vôi với các loại bình kendi. Từ phương pháp này, chúng ta có những cơ sở để xác định được các kiểu vôi đặc trưng của từng loại bình kendi, và khi phân loại loại hình hoàn toàn có thể xác định được rằng, mỗi chiếc vôi tương ứng với một chiếc bình và mỗi một kiểu vôi sẽ tương ứng với một hoặc hai kiểu dáng của loại bình kendi. Ví dụ hai kiểu vôi kendi gốm trắng mịn tìm thấy tại Angkor Borei được Stark Miriam T. và Shawn Fehrenbach giới thiệu trong bài “Earthenware Ceramic Technologies of Angkor Borei, Cambodia”

(Stark, Miriam T và Shawn Fehrenbach, 2019) có thể nhận thấy đó là kiểu vôi rất đặc trưng của hai loại bình kendi cao cấp, điển hình của gốm Óc Eo (Hình 11, 12). Các vôi kendi này được Stark xếp loại trong nhóm gốm sắc cam, bề mặt bóng (gọi là Fine Buffware), và chúng được tìm thấy trong tầng văn hóa sớm nhất có niên đại thế kỷ III sau Công nguyên (Stark, Miriam T, 2000).

Trong thực tế, các loại vôi hay thân bình kendi khi bị vỡ thường được giới nghiên cứu phân loại độc lập, riêng biệt, không đặt nó trong cùng một bối cảnh nghiên cứu về loại hình học. Do đó, thật khó có thể đưa ra bức tranh tổng quan về loại hình và khung niên đại của các loại bình kendi trong lịch sử văn hóa Óc Eo (Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018). Đặc biệt, nhiều loại vôi và kiểu cổ bình kendi và kundika chưa có sự nghiên cứu so sánh sâu, kỹ để từ đó có thể phân định được nguồn gốc và chức năng.

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống các loại vôi và các loại bình kendi đủ dáng, đặc biệt là khi nghiên cứu so sánh với đồ gốm Ấn Độ khai quật được tại di tích Lathiya và Sonkh ở Uttar Pradesh (B.R. Mani, 2010) và di tích Rang Mahal ở Rajasthan (Akinori Uesugi, 2014) vùng Bắc Ấn Độ, chúng tôi nhận ra hai vấn đề khá thú vị. Đó là phát hiện về những chiếc vôi bình kundika của Ấn Độ trong sưu tập vôi bình kendi gốm Óc Eo và kiểu cổ bình gốm Óc Eo được phỏng tác theo hình mẫu kundika của Ấn Độ.



13-14. Loại vôi Kundika, di tích Lathiya site (Uttar Pradesh, North India). Nguồn: B.R. Mani and others, 2010: Fig.12, Plate 48.

15-16. Loại vôi Kundika, di tích Nền Chùa. Nguồn: Bùi Minh Trí

17-18. Cổ và bình Kundika, Bắc Ấn Độ, thời Gupta. Nguồn: B.R. Mani and others, 2010: Plate 49B; Akinori Uesugi, 2014: Fig.13:17, Fig.2:10.

19. Bình Kundika, Ấn Độ. Theo: Bérénice Bellina and Ian Glover 2004

Hình 13, 14 trong bài viết này là các loại vòi bình kundika, thời kỳ Gupta khai quật được tại di tích Lathiya, Uttar Pradesh. Kiểu vòi này gọi là “Varāha-mukha”, mang đặc trưng rất riêng của gốm Ấn Độ, nó thường được gắn trên vai bình có thân hình bầu dục và có cổ nhỏ thon dài với cái đầu vuốt nhọn tạo hình chóp nón, đó là kundika. Đây là loại bình đựng nước thiêng, được sử dụng trong nghi thức tôn giáo (Hình 13, 14) (B.R. Mani, 2010; Fig.12, Bérénice Bellina and Ian Glover, 2004). Hình 15 là chiếc vòi bình khai quật được tại Nền Chùa (Kiên Giang). Đây là loại vòi ngắn, dài khoảng 2-4 cm, miệng tạo ngắn lõm và có gờ tròn hình khuyên tai, bên trong khoét 3 lỗ nhỏ để đổ nước ra vòi. Hình dáng và kỹ thuật khoét lỗ, gắn vòi cho thấy nó có đặc điểm tương đồng với vòi bình kundika Hình 13-15 và rất khác biệt so với các kiểu vòi kendi Óc Eo Hình 12 (Hình 12 và Hình 13-15). Kiểu vòi “Varāha-mukha” không phổ biến trong văn hóa Óc Eo, nó được tìm thấy với số lượng rất hạn chế ở ba địa điểm Gò Tháp (Đồng Tháp), Nhơn Thành (Cần Thơ) và gần đây là Nền Chùa (Kiên Giang). Dựa vào đặc điểm này và bối cảnh tư liệu khảo cổ học tại di tích Lathiya, chúng tôi cho rằng, những chiếc vòi “Varāha-mukha” tìm được tại Nền Chùa, Gò Tháp, Nhơn Thành là gốm Ấn Độ, được mang sang từ Ấn Độ và niên đại của nó khoảng thế kỷ IV-V sau Công nguyên, tương ứng Giai đoạn II - Thời kỳ Gupta của di tích Lathiya (B.R. Mani, 2010).

Một điều thú vị nữa là trong các loại cổ bình gốm Óc Eo, chúng tôi nhận ra loại cổ bình mang phong cách đặc trưng của bình kundika Ấn Độ. Hình 16 và 17 là những minh họa sinh động về điều này. Hình 16 là các loại cổ bình được tìm thấy tại các di tích văn hóa Óc Eo (Nam Bộ). Hình 17 là các loại cổ bình kundika đào được tại di tích Lathiya, Uttar Pradesh (Bắc Ấn Độ), được các nhà khảo cổ học Ấn Độ gọi là “Sprinkler” (vòi phun nước) (B.R. Mani, 2010; Plate 49B) (Hình 16-17). Sự giống nhau này cho thấy rằng, kiểu cổ bình gốm Óc Eo có thể là gốm Ấn Độ hay nó được phỏng tác theo hình mẫu bình kundika Ấn Độ. Đáng lưu ý là việc tìm thấy những chiếc vòi “Varāha-mukha” ở Nền Chùa, Gò Tháp, Nhơn Thành và cổ bình nói trên đưa đến khả năng là trong số cổ bình đào được tại Nền Chùa chắc chắn có những cổ bình kundika Ấn Độ. Phát hiện này gợi ý rằng, cư dân Óc Eo đã nhập khẩu bình kundika của Ấn Độ để sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo tại ngôi đền Hindu đương thời.

Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi muốn dùng thuật ngữ kundika đối với loại bình mang đặc trưng riêng biệt của văn hóa Ấn Độ chuyên dùng cho nghi lễ linh thiêng nhằm để phân biệt nó với các loại bình kendi. Như đã nêu trên, dựa vào cấu tạo cổ và vòi, chúng ta có thể nhận thấy có sự khác biệt rõ ràng về cách thức đựng nước và sử dụng của hai loại bình kendi và kundika. Đối với kundika, do cổ nhỏ thon cao và có một lỗ rất nhỏ ở trên đầu nên nước được đổ vào qua vòi và ra ngoài bằng miệng, do đó cổ bình gọi là vòi phun nước (Sprinkler) (B.R. Mani, 2010; Plate 49B). Trong khi đó, loại kendi tìm thấy ở di tích Sonkh, Bắc Ấn Độ (Akinori Uesugi, 2014) cũng giống như kendi ở các địa điểm thuộc văn hóa Óc Eo (Nam Bộ) phổ biến có cái cổ to và miệng rộng nên dễ dàng được làm đầy nước từ miệng và đổ nước ra từ vòi. Sự khác biệt này gợi ý rằng, kundika là loại bình đặc biệt và chức năng của nó là được dùng trong các nghi lễ linh thiêng, phục vụ việc thờ cúng,

không sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày như đối với loại bình kendi. Trong một khu khai quật nhỏ (diện tích 682 m²) tại di tích Nền Chùa (Khu D), chúng tôi đã tìm được 176 vôi bình kendi và 2.694 mảnh vỡ của bình kendi. Số lượng rất lớn bình kendi tìm thấy trong một khu vực nhỏ này gợi ý rằng, kendi được sử dụng khá rộng rãi và phổ biến. Nó có thể có chức năng kép, vừa là đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày, vừa là đồ dùng cho các nghi lễ tôn giáo, trong đó sử dụng nhiều là trong sinh hoạt. Phát hiện mới này đã làm thay đổi nhận thức từ trước tới nay cho rằng, kendi Óc Eo chủ yếu là đồ dùng dành riêng cho nghi lễ tôn giáo (Lê Xuân Diễm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải, 1995; Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018). Kết quả nghiên cứu này đang gợi mở nhiều vấn đề thú vị trong nghiên cứu chức năng và tính xã hội của bình kendi trong nền văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa trong khu vực Đông Nam Á và châu Á.

2.5. Gốm đen đánh bóng

Bên cạnh số lượng lớn các loại hình đồ gốm Óc Eo đặc trưng, cuộc khai quật tại di tích Nền Chùa và Lung Lớn (Óc Eo) năm 2018-2020 còn tìm thấy một số đồ gốm đen đánh bóng (Hình 20). Đặc trưng của nhóm đồ gốm này là xương gốm dày, màu đỏ sẫm, được pha trộn nhiều cát mịn và bã thực vật, đặc biệt là lớp áo ngoài bọc xương gốm rất bóng mịn, được tạo tác bằng kỹ thuật đánh bóng rất đẹp như gốm men và có màu xám đen hay màu đen. Một số nhà nghiên cứu gọi là “gốm xám mịn” (Heidrun Schenk, 2014; Heidrun Schenk, 2015), chúng tôi dùng thuật ngữ “gốm đen đánh bóng”. Những đồ gốm này đều là mảnh vỡ nhỏ của các loại bát lớn có thân hình cầu dẹt hoặc nổi đáy tròn hay loại bình miệng rộng, thân hình cầu (Hình 21). Đây là nhóm đồ gốm rất hiếm gặp trong các di chỉ văn hóa Óc Eo, nghĩa là nó không phải là loại đồ gốm phổ biến trong văn hóa Óc Eo. Nghiên cứu phân tích về xương gốm cho thấy nó hoàn toàn khác với cấu tạo xương gốm Óc Eo. Điều này đưa đến suy luận rằng, đây không phải là gốm Óc Eo. Từ đây một câu hỏi được đặt ra là, những đồ gốm xám đen này được sản xuất ở đâu hay nó được mang từ đâu tới và đến Óc Eo vào thời gian nào?

Thật thú vị là tại di tích Lathiya và Sonkh ở Uttar Pradesh, các nhà khảo cổ học Ấn Độ đã tìm thấy một số đồ gốm xám đen, được chế tác theo kỹ thuật đánh bóng, có chất liệu, màu sắc và hình dáng tương đồng với những mảnh gốm tìm thấy tại Nền Chùa và Lung Lớn (Óc Eo). Nghiên cứu so sánh từ nguồn tư liệu khảo cổ học này, chúng tôi cho rằng, những mảnh gốm đen đánh bóng ở Nền Chùa và Lung Lớn có thể là gốm Ấn Độ. Tại di tích Lathiya, những đồ gốm này được xác định niên đại trong giai đoạn Maurya - Sunga, khoảng thế kỷ III đến thế kỷ I trước Công nguyên (B.R. Mani 2010; Plate 49A). Bối cảnh địa tầng di tích Nền Chùa và Lung Lớn cho thấy niên đại gốm đen đánh bóng tìm được ở đây có niên đại muộn hơn rất nhiều so với di tích Lathiya, trong khoảng thế kỷ I sau Công nguyên hoặc muộn hơn đôi chút. Sự chênh lệch về niên đại giữa hai bối cảnh khảo cổ học cách xa nhau đưa đến giả thuyết về tính truyền thống lâu dài của gốm xám mịn được đánh bóng ở Ấn Độ.



21. Mảnh gốm đen đánh bóng, di tích Lathiya (Uttar Pradesh, North India). Theo: B.R. Mani and others, 2010: Plate 49A.

20. Mảnh gốm đen đánh bóng, di tích Nền Chùa (Kiên Giang). Nguồn: Bùi Minh Trí

22. Mảnh bình gốm vẽ màu, di tích Lung Lớn (An Giang). Nguồn: Nguyễn Khánh Trung Kiên

23-24. Mảnh bình gốm vẽ màu, di tích Rang Mahal and Dabri Ratan (India). Theo: Akinori Uesugi, 2014: Fig.5, Fig.7.

2.6. Đồ gốm vẽ màu

Ngoài các loại gốm nói trên, tại di tích Nền Chùa và Lung Lớn (Ốc Eo) một số mảnh bình gốm vẽ màu của Ấn Độ cũng đã được tìm thấy (Hình 22). Phần lớn đây là mảnh vỡ của loại bình miệng loe, cổ rộng, thân tròn hay loại bình có vai tạo gờ nổi và ấn lõm kiểu răng cưa. Đặc điểm đáng lưu ý nhất của nhóm đồ gốm này là bên ngoài thân có lớp áo màu đỏ cam và được vẽ các loại hoa văn bằng màu đen, tạo nên sự tương phản màu sắc khá mạnh mẽ. Hoa văn được vẽ bằng bút mềm (dạng bút lông) với những đường cong kiểu sóng nước, các đường vạch chéo song song, văn hình học và các nét chấm, vạch uốn cong đều đặn rất linh hoạt như vẽ trên giấy, cho thấy trình độ tay nghề rất cao của những thợ gốm thời bấy giờ.

Tại địa điểm Lovea và Sophy (Campuchia), các nhà khảo cổ học Pháp (EFEO) và Campuchia cũng đã tìm thấy 31 mảnh gốm tô màu đỏ vẽ hoa văn màu đen, gọi là gốm Rouge et Noir (đỏ và đen). Nghiên cứu so sánh có thể thấy những mảnh gốm này có đặc điểm giống với các mảnh gốm tìm thấy tại Nền Chùa và Lung Lớn. Các mảnh gốm Rouge et Noir ở Lovea và Sophy được xác định trong khung niên đại khoảng từ năm 23 đến năm 562 sau Công nguyên (niên đại di chỉ Sophy). Mặc dù những người khai quật tại Lovea và Sophy xác định đây là đồ gốm nước ngoài nhưng chưa xác định được chắc chắn nguồn gốc nơi chúng được sản xuất và mang đến (Tse Siang Lim, 2020).

Nghiên cứu so sánh tư liệu đồ gốm lấy lên từ lòng đất tại các di tích Lathiya, Sonkh, Saheth (Uttar Pradesh), Rang Mahal (Suratgarh, Rajasthan), Dabri Ratna, Ashal Bohar

Majra (Rohtak) ở Bắc Ấn Độ, chúng tôi nhận thấy nó có những nét tương đồng rất rõ ràng giữa đồ gốm vẽ màu ở di tích Nền Chùa và Lung Lớn hay đồ gốm Rouge et Noir ở Lovea và Sophy với đồ gốm Rang Mahal (Hình 23-24).

Đồ gốm Rang Mahal là một thuật ngữ chỉ đồ gốm lịch sử được phục hồi từ địa điểm Rang Mahal ở Tây Bắc Rajasthan, một thuật ngữ nổi tiếng trong giới khảo cổ học Nam Á (Akinori Uesugi, 2014). Theo nghiên cứu của Akinori Uesugi, nhà khảo cổ học Nhật Bản, thì đây là loại đồ gốm có phong cách rất đặc biệt, không chỉ hình thức mà còn cả những nét trang trí, được xếp vào chuỗi gốm của thời kỳ lịch sử ở Bắc Ấn Độ. Kết quả nghiên cứu của ông trong nhiều năm cho biết rằng, đồ gốm Rang Mahal có niên đại trong khoảng thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ IV sau Công nguyên, tương ứng với thời kỳ Kushana của Ấn Độ (Akinori Uesugi, 2014).

Dựa vào những đặc điểm rất tương đồng về hình dáng, chất liệu, màu sắc và phong cách vẽ hoa văn cùng với kết quả nghiên cứu rất công phu của Akinori Uesugi về đồ gốm Rang Mahal (Akinori Uesugi, 2014), chúng tôi cho rằng, những mảnh bình gốm đỏ vẽ màu đen tìm thấy tại di tích Nền Chùa và Lung Lớn cũng như đồ gốm Rouge et Noir tìm thấy tại Lovea và Sophy là đồ gốm Rang Mahal, nó được mang sang từ vùng Bắc Ấn Độ. Tư liệu địa tầng từ di tích Nền Chùa và Lung Lớn cho thấy, các mảnh bình này có niên đại trong khoảng thế kỷ III-IV sau Công nguyên, tương đương với niên đại mà Akinori Uesugi đã xác định về đồ gốm Rang Mahal tại các di tích khảo cổ học ở vùng Bắc Ấn Độ.

3. Đồ gốm Trung Quốc

Đồ gốm Trung Quốc đầu tiên được nhận ra trong sưu tập đồ gốm Óc Eo ở Bảo tàng Kiên Giang đó là chiếc vò gốm men trắng xanh (hay xanh nhạt), vai có 4 quai ngang, dạng quai đúc vuông khối hình thang cân, được chọc lỗ nhỏ để xuyên dây (Hình 29). Chiếc vò này từ trước đến nay đều được xếp vào đồ gốm Óc Eo và được giới thiệu trưng bày khá nhiều nơi tại các cuộc triển lãm về văn hóa Óc Eo ở các tỉnh vùng đồng bằng Nam Bộ. Nghiên cứu hình dáng, chất liệu, kỹ thuật, đặc biệt là men và kiểu quai cho thấy rất rõ đây là loại vò rất đặc trưng của gốm Trung Quốc cuối thời Lục Triều (220-589) đến đầu thời Tùy (581-618) (Bùi Minh Trí, 2020). Tại các di tích khảo cổ học ở Bắc Việt Nam, đặc biệt là vùng Bắc Ninh như di chỉ Bãi Đồng Dầu hay thành cổ Luy Lâu (Thuận Thành) thủ phủ của Giao Châu thời Hán, chúng tôi đã tìm thấy khá nhiều loại vò này (Bùi Minh Trí, 1986). Đặc biệt, chúng ta cần nhớ rằng, truyền thống của đồ gốm Óc Eo là đồ đất nung, không có men. Theo đó, những đồ gốm men tìm thấy ở các địa điểm văn hóa Óc Eo cần hiểu đó không phải là gốm Óc Eo.

Từ manh mối quan trọng này, chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình đi tìm bằng chứng về đồ gốm Trung Quốc trong văn hóa Óc Eo. Xem một số công trình đã công bố về đồ gốm Óc Eo, chúng tôi đã nhìn thấy có những đồ gốm Hán (Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, 1995). Và khi nghiên cứu sưu tập đồ gốm Óc Eo trong Bảo tàng tỉnh An Giang và Kiên Giang chúng tôi cũng nhìn thấy tuy không nhiều đồ gốm Hán và một số đồ gốm men Trung Quốc thời Lục Triều và thời Tùy. Đặc biệt, cuộc khai quật năm 2018-2020 tại di tích

Nền Chùa, chúng tôi đã tìm thấy 1.407 mảnh gốm Trung Quốc, bao gồm 489 đồ sành và 918 đồ gốm sứ. Đồ sành ở đây chủ yếu có niên đại từ thời Đông Hán (23-220) đến đầu thời Đường, đồ gốm men chủ yếu có niên đại từ cuối thời Lục Triều (220-589) đến đầu thời Đường (618-907).

3.1. Đồ gốm thời Hán

Những đồ gốm thời Đông Hán đào được tại di tích Nền Chùa chủ yếu là các loại vò đất nung có miệng rộng, vai cong, thân thon đều, đáy bằng. Trên thân trang trí văn in ô vuông hoặc văn xương cá, loại hoa văn đặc trưng và phổ biến của đồ gốm Trung Quốc, thời Hán, thế kỷ I-III sau Công nguyên (Hình 25).

Tại di tích Lung Lớn và Gò Giồng Cát (Ốc Eo), cuộc khai quật năm 2017-2020 cũng tìm thấy một số mảnh vò gốm đất nung trang trí văn in ô vuông giống như Nền Chùa và mảnh vò gốm trang trí văn ô trám lồng khá đẹp (Hình 26). Những mảnh gốm này được đồng nghiệp của chúng tôi (những người khai quật Lung Lớn) gọi là “gốm cứng văn in kiểu Hán”. Khái niệm này trên thực tế là khá mơ hồ cùng sự nhầm lẫn, có thể được hiểu là gốm Ốc Eo mang phong cách Hán, không phải là đồ gốm Hán mang từ Trung Quốc đến. Trong nghiên cứu đồ gốm cổ, chúng tôi thường dùng thuật ngữ kiểu/style, ví dụ gốm kiểu Hán, kiểu Đường hay phong cách gốm Hán (Han Style), phong cách gốm Đường (Tang Style) là muốn nói đến sự ảnh hưởng hay là sự mô phỏng khá hoàn hảo về kiểu dáng hay hoa văn hoặc kỹ thuật sản xuất của những đồ gốm bản địa thời bấy giờ. Khi tiếp xúc trực tiếp những mảnh vò gốm này, chúng tôi có thể khẳng định đó là đồ gốm Trung Quốc thời Đông Hán, không phải là gốm Ốc Eo, vì chất liệu xương gốm, kỹ thuật chế tác và nhiệt độ nung của nó hoàn toàn có chất lượng khác biệt và vượt trội với đồ gốm Ốc Eo (Bùi Minh Trí, 2020).



Sự có mặt của đồ gốm Hán trong văn hóa Óc Eo là điều không thể phủ nhận, nhưng điều làm chúng tôi băn khoăn nhất chính là việc truy tìm nguồn gốc lò sản xuất của các loại vò gốm này. Chúng được sản xuất ở Trung Quốc (chính quốc) hay được sản xuất tại các lò gốm ở Giao Châu (thuộc quốc)?

Chúng ta biết rằng, từ thời nhà Hán đến thời nhà Đường (111 trước Công nguyên - 907 sau Công nguyên), Bắc Việt Nam khi đó gọi là quận Giao Chỉ, phủ Giao Châu, bị người Hán chinh phục và cai trị. Trong thời gian đó, người Hán đã cho dựng lập khá nhiều xưởng chế tác gốm ở nhiều nơi để chuyên sản xuất đồ gốm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và thị trường nội địa. Và từ buổi đầu thời Đông Hán, họ đã cho xây dựng một khu lò sản xuất đồ gốm có quy mô lớn tại vùng đất Tam Thọ (nay thuộc xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

Khu lò Tam Thọ nổi tiếng này sau đó đã được Olov Janse, nhà khảo cổ học Thụy Điển phát hiện đầu tiên vào tháng 02/1937. Trong các năm từ 1937-1939, O. Janse đã tiến hành khai quật tại Tam Thọ và đã phát hiện 8 lò nung gốm cổ cùng nhiều sản phẩm gốm ngói ống và các loại đồ gốm sinh hoạt đặc trưng của thời Hán (O. Janse, 1939). Trong số đó, có rất nhiều loại vò trang trí văn in ô vuông nhỏ, văn xương cá, đặc biệt phổ biến là văn ô trám lồng (Hình 27, 28). Đáng lưu ý là các mảnh vò gốm Hán tìm thấy tại di tích Nền Chùa hay Lung Lớn (Óc Eo) cũng mang những đặc điểm khá tương đồng về kỹ thuật và hoa văn với các loại vò gốm lò Tam Thọ.

Từ đây, một câu hỏi được đặt ra, vò gốm Hán trong văn hóa Óc Eo có phải là sản phẩm của lò Tam Thọ (Thanh Hóa) hay không? Và, trong công trình nghiên cứu trước chúng tôi vẫn còn bỏ ngỏ câu trả lời này (Bùi Minh Trí, 2020) vì muốn xem lại kỹ lưỡng hơn chất liệu và hoa văn những mảnh vò gốm Hán khai quật được tại Lung Lớn (Óc Eo) cũng như cần kiểm chứng lại cẩn thận hơn những tư liệu gốm khai quật được tại lò Tam Thọ trong những năm gần đây.

Sau những nghiên cứu sưu tập vò gốm Tam Thọ đang lưu giữ và trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa được lấy lên từ các cuộc khai quật (Đỗ Quang Trọng, 2002; Trần Anh Dũng, 2005), chúng tôi có thể xác định rằng, mảnh vò trang trí văn in ô trám lồng ở Lung Lớn và một số mảnh vò in văn ô vuông ở Nền Chùa là sản phẩm đặc trưng của lò gốm Tam Thọ (Hình 26, 28). Nhưng một số mảnh vò khác trang trí văn in ô vuông có xương mịn màu đỏ, đặc biệt trên vai hoặc thân có in hình bông hoa sen hay hoa văn kiểu chữ triện trong khung hình chữ nhật, hình vuông hoặc hình tròn nhỏ thì không phải là sản phẩm gốm lò Tam Thọ. Những vò gốm này có thể được sản xuất tại chính quốc và mang sang từ Trung Quốc. Điều này cũng có nghĩa rằng, tại Nền Chùa và Lung Lớn đã tìm thấy hai loại gốm Hán, được sản xuất ở hai khu vực khác nhau, một là từ Trung Quốc mang sang và hai là từ Giao Châu mang vào.

Điều đáng nói ở đây là tại địa điểm Khao Sam Kaeo nằm bên phía Đông bờ vịnh Thái Lan, là di tích của thành phố cảng sớm giữa Ấn Độ và biển Đông, các nhà khảo cổ học Pháp và Thái Lan cũng đã tìm thấy 84 mảnh vò gốm thời Hán, trong đó có loại in văn ô vuông giống như Nền Chùa và Lung Lớn cùng với một số mảnh gốm xám mịn của Ấn Độ. Các mảnh gốm Hán này đều được xác định là đồ gốm Trung Quốc đặc trưng ở vùng

Nam Trung Quốc xung quanh Quảng Đông (Bérénice Bellina et al., 2014; Bérénice Bellina, Aude Favereau, Laure Dussubieux, 2019). Phát hiện này cho thấy, đồ gốm Hán (Trung Quốc) đến Khao Sam Kaeo (Thái Lan) và Óc Eo (Việt Nam) trong cùng bối cảnh. Đây là vấn đề mới rất thú vị, giúp cho chúng ta hình dung rõ ràng hơn về mối giao thương rộng mở giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á vào những năm đầu sau Công nguyên.

3.2. Đồ gốm thời Lục Triều và thời Tùy

Như trên đã nêu, trong số 1.407 mảnh gốm Trung Quốc tìm thấy tại di tích Nền Chùa, có 918 đồ gốm sứ, bao gồm các loại bát, đĩa và bình, vò có quai. Đây đều là loại đồ gốm rất đặc trưng của Trung Quốc thời Lục Triều, thời Tùy và đầu thời Đường (trong khoảng từ thế kỷ IV-V đến thế kỷ thứ VII-VIII). Những loại hình đồ gốm sứ này cũng đã được tìm thấy khá nhiều tại một số di tích khảo cổ học nổi tiếng ở Bắc Việt Nam như di tích thành cổ Luy Lâu (Bắc Ninh), Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) (Bùi Minh Trí, 1986, 2016; Tổng Trung Tín và Bùi Minh Trí, 2010).

Ngoài chiếc vò nhỏ men trắng xanh tại Bảo tàng Kiên Giang nói trên, điều thú vị là tại di tích Nền Chùa, chúng tôi đã tìm thấy một cái vôi bình đầu gà men trắng xanh. Đây là cái vôi gắn trên vai của loại bình có tay cầm rất nổi tiếng của Trung Quốc thời Lục Triều và thời Tùy, được gọi là “bình vôi đầu gà” (Hình 30). Điều đặc biệt là khi nghiên cứu so sánh với các sưu tập bình vôi đầu gà sản xuất tại lò Việt (Yueyao) Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt rất rõ ràng về chi tiết của đầu gà cũng như chất lượng của men, màu men và xương gốm.

Lò Việt (Yueyao, 越窯) là lò gốm nổi tiếng chuyên chế tác đồ gốm men xanh ở miền Nam Trung Quốc, được ngợi ca là quê hương của gốm men xanh hay còn gọi là men ngọc (celadon/green) của Trung Quốc. Các lò nằm chủ yếu trong khu vực Việt Châu, ngày nay thuộc Ninh Ba, Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Niên đại sản xuất có từ Đông Hán đến thời Tống, thời Đường phát triển đến cực thịnh, tên Việt diêu xuất hiện từ thời Đường (Bùi Minh Trí, 2021; Shuang Wu¹, Shou Lei Gao, 2021). Đặc trưng gốm men ngọc lò Việt là có màu xanh từ xanh ô liu đến màu xanh lá cây đậm, được nung ở nhiệt độ cao nên men thường có độ bóng mịn, không bị bong tróc. Và loại bình vôi đầu gà men xanh là một trong số sản phẩm đặc trưng nổi tiếng nhất của gốm Việt thời Lục Triều.

Vôi bình đầu gà tìm thấy tại Nền Chùa có men màu trắng xanh, men mỏng và bị bong tróc cho thấy độ thiêu kết giữa men và xương là chưa tốt do nhiệt độ nung. Dựa vào đặc điểm đó thì chiếc vôi này không phải là sản phẩm của lò Việt. Khi so sánh với những chiếc bình vôi đầu gà tìm thấy tại Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Bắc Ninh cho thấy, chiếc vôi bình đầu gà ở Nền Chùa nó có nhiều nét rất tương đồng, nếu không nói đây là một bản sao khá hoàn hảo (Hình 31). Điều này đã gợi ý đến nguồn gốc của chiếc vôi bình đầu gà ở Nền Chùa được sản xuất tại Giao Chỉ, không phải là được mang sang từ Trung Quốc.

Lịch sử nghiên cứu về các lò gốm cổ Việt Nam thời Bắc thuộc vào những năm tám mươi của thế kỷ trước cho biết chắc chắn rằng, thời kỳ Lục Triều, Bắc Ninh là một trong những nơi có những lò gốm được dựng lập, trong đó có lò gốm men rất nổi tiếng như lò gốm Đại Lai (Gia Lương), có niên đại khoảng thế kỷ II-VI, từ Đông Hán đến đầu thời Tùy (Trần Anh Dũng, 1986, 2005). Cuộc khai quật của chúng tôi tại di chỉ Bãi Đồng Dâu và thành cổ Luy Lâu năm 1986 cũng đã tìm thấy nhiều loại bát có chân đế đặc như ở Nền Chùa, cả những mảnh vỡ của loại vò có quai và loại bình có vôi hình đầu gà nói đến ở đây. Do đó, chúng tôi nghiêng về khả năng loại bình có vôi hình đầu gà ở Nền Chùa được mang đến từ Giao Chỉ (Bắc Việt Nam) trong giai đoạn khoảng cuối thời Lục Triều đến đầu thời Tùy, thế kỷ IV-VI (Bùi Minh Trí, 1986).

3.3. Đồ gốm thời Đường

Do di vật di tích Nền Chùa đang trong quá trình nghiên cứu, nên chúng tôi chưa thể đưa ra số liệu cụ thể của từng loại hình đồ gốm trong thời kỳ này. Nhưng trong số 1.407 mảnh gốm Trung Quốc tìm thấy tại di tích Nền Chùa có số lượng khá nhiều là đồ gốm thời Đường. Những đồ gốm đặc trưng của thời kỳ này có thể nhận thấy rõ ràng nhất là các loại bát, đĩa lòng rộng, thành thấp, chân đế đặc hoặc chỉ khoét một vòng tròn. Men phủ mỏng và chủ yếu phủ men bên trong lòng và một phần ngoài thân, giữa lòng thường có dấu vết cạo men để đặt con kê khi xếp nung (Hình 32).

Đáng lưu ý hơn là tại Nền Chùa tìm được nhiều loại vò sành và vò gốm men trắng xanh có thân thon hình trứng, trên vai có 4 hoặc 6 quai ngang, xương gốm khá dày (Hình 33). Đây là những loại vò rất đặc trưng, được sản xuất nhiều vào thời Đường. Tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long đã tìm thấy rất nhiều loại vò này (Tống Trung Tín và Bùi Minh Trí, 2010; Bùi Minh Trí, 2016).

Như vậy, kết quả nghiên cứu mới gần đây tại Nền Chùa đã cho chúng ta thấy rõ sự hiện diện của những đồ gốm Trung Quốc có từ thời Đông Hán đến thời Đường trong văn hóa Óc Eo. Đây là phát hiện mới, được đánh giá là rất quan trọng, không những minh họa rõ ràng hơn về mối quan hệ giữa Óc Eo với Trung Hoa trong lịch sử mà còn góp phần làm sáng tỏ hơn những ghi chép của sử liệu cổ, trong giai đoạn từ cuối thế kỷ thứ V đến đầu thế kỷ thứ VII. Thời kỳ này, sử Trung Quốc có ghi chép nhiều chuyến đi sứ của Vương quốc Phù Nam sang Trung Quốc như thời Tề Vũ đế (428-493), thời Lương (502-557) (Vũ Văn Quân, 2008), đặc biệt vào thời Tùy (589-618) và đến đầu thời Đường (618-907) trong các năm Vũ Đức (618-627), Trinh Quán (627-650), Phù Nam vẫn thường xuyên sai sứ sang các triều đình Trung Quốc. Sau thời gian này, không thấy sử Trung Quốc ghi chép nữa (Phan Huy Lê, 2008).

4. Đồ gốm La Mã

Trong cuộc khai quật tại Óc Eo năm 1944, Louis Malleret đã tìm thấy những mặt dây chuyền hình thoi La Mã và đồng tiền La Mã đúc Hoàng đế Antonius (138-161), Aurelius

(161-180) (L. Malleret 1952, 1960, 1962) cho thấy, đế chế La Mã đã từng có sự giao lưu với đô thị Óc Eo vào những năm của thế kỷ thứ II sau Công nguyên.

Cuộc khai quật gần đây nhất tại di tích Lung Lớn (Óc Eo) đã tìm thấy mảnh hạt chuỗi mosaic được xem là mặt hàng cao cấp, bằng chứng giá trị về thương mại với La Mã thế kỷ đầu Công nguyên (Nguyễn Kim Dung, 2020). Điều thú vị là tại di chỉ Phu Khao Thong, tỉnh Ranong trong vùng vịnh Thái Lan, các nhà khảo cổ cũng tìm thấy mảnh vỡ của một hạt chuỗi mosaic Địa Trung Hải cao cấp như Lung Lớn, có niên đại từ thế kỷ I trước Công nguyên đến đầu thế kỷ I sau Công nguyên (Brigitte Borell, Bérénice Bellina & Boonyarit Chaisuwan, 2017). Phát hiện này khẳng định rõ hơn con đường thương mại biển từ La Mã đến Óc Eo từ phía Nam khu vực biển Andaman qua vùng vịnh Thái Lan và được mang đến bởi các lái thương Trung Đông (Glover I.C, 1996; Manguin P.Y, 2004).

Phần đầu bài viết đã nêu về hai chiếc đèn dầu ở Bảo tàng Cần Thơ và An Giang. Hai đèn dầu này đã được các nhà khảo cổ học Việt Nam xác định là loại đèn được mang đến từ vùng Trung Á, Địa Trung Hải và Bắc Phi, “là sản phẩm của quá trình trao đổi và du nhập các thành tố văn hóa ngoại nhập trong văn hóa Óc Eo” (Bùi Chí Hoàng, 2018, tr.203). Trong hai chiếc đèn đó, đáng lưu ý nhất là chiếc đèn hình chim ở Bảo tàng Cần Thơ (Hình 34).

Chúng ta biết rằng, từ giữa thế kỷ I và II sau Công nguyên, đèn dầu Ý đã trở thành phong cách thống trị trong thế giới La Mã (Jean Bussière and Birgitta Lindros Wohl, 2018). Đây là giai đoạn sản xuất rất nhiều loại đèn dầu đất nung với nhiều hình dáng phong phú và đa dạng, trong đó có nhiều loại đèn hình thoi, một đầu có cái vòi ngắn làm chỗ gắn bắc và đầu kia vượt dài giống như đuôi chim làm chỗ tay cầm gọi là đèn hình chim (Hình 35). Đây là loại đèn nhỏ có thể cầm trên tay khi di chuyển (Anjana Reddy, 2015; Jean Bussière and Birgitta Lindros Wohl, 2018). Đèn dầu hình chim ở Bảo tàng Cần Thơ mang phong cách đặc trưng của đèn dầu La Mã mô tả ở đây. Nhưng nó có sự khác biệt về tạo hình là giữa thân của nó được tạo thêm 2 cạnh nhỏ dẹt dạng cánh chim và dưới đáy có chân đế. Điểm khác biệt nữa rất đáng lưu ý là, chiếc đèn này được nặn bằng tay từ đất sét bùn màu xanh đen và xương lẫn chất hữu cơ, trong khi đó đèn dầu La Mã được làm từ đất sét đỏ, nhiều cát mịn, độ nung cao và phổ biến được làm bằng khuôn. Từ hai điểm khác biệt này, chúng tôi cho rằng đèn dầu Bảo tàng Cần Thơ là hình ảnh sao chép từ hình mẫu của đèn dầu La Mã, được sản xuất theo phong cách đèn La Mã, không phải nó được mang đến từ La Mã. Từ manh mối thú vị này cho chúng ta những liên tưởng về mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp nào đó về loại đèn hay kiểu đèn mà các thương nhân La Mã đã mang sang Óc Eo và sử dụng chúng trong thời gian ở tại đây. Thậm chí có thể đèn dầu La Mã đã từng được sử dụng trong cộng đồng cư dân ở đô thị Óc Eo, sau đó nó được các thợ gốm sao chép.

Tuy nhiên, đèn dầu không tìm thấy nhiều ở di chỉ văn hóa Óc Eo và cho thấy tính không phổ biến của nó trong đời sống của cư dân Óc Eo. Điều này đưa đến suy đoán về sự khác biệt rất xa về văn minh đèn dầu so với La Mã. Bên cạnh đèn hình chim, tại Bảo tàng An Giang còn tìm thấy loại đèn dầu hình đĩa được tạo dáng giống như một chiếc lá uốn cong, cuống lá là một tay cầm (Hình 36). Loại đèn này ở La Mã gọi là đèn dầu hờ.

Phong cách tạo dáng văn minh và hiện đại cùng với chất liệu gốm thô đưa đến giả thiết nó có thể có nguồn gốc La Mã hay vùng Địa Trung Hải, nhưng hiện vẫn chưa xác nhận.

Bên cạnh những chiếc đèn dầu, tại di tích Nền Chùa còn tìm thấy những mảnh vỡ của các loại bình trên thân trang trí các đường gờ nổi hay văn in. Đây là loại bình lớn, được làm bằng đất đồi pha cát nên gọi là gốm thô, xương gốm tuy cứng nhưng khi gãy thì thường vỡ vụn vì quá nhiều cát (Hình 37, 38). Tại Bảo tàng An Giang hiện đang có hai chiếc bình gốm thô có hình dáng khá đặc biệt. Đó là loại bình có cổ cao hình trụ, miệng rộng, thân và đáy hình cầu, xương gốm dày và pha rất nhiều cát (Hình 39). Về chất liệu và nhiệt độ nung cho thấy nó tương đồng với nhóm mảnh gốm thô đào được ở Nền Chùa.



34. Đèn dầu đất nung, Bảo tàng Cần Thơ
Nguồn: Bùi Minh Trí



37-38. Mảnh bình gốm thô, di tích Nền Chùa. Nguồn: Bùi Minh Trí



40. Hai mảnh gốm Islam, Tây Á, di tích Nền Chùa. Nguồn: Bùi Minh Trí



35. Đèn dầu Ý, đất nung
Nguồn: Ancient Resource



36. Đèn dầu đất nung, Bảo tàng An Giang
Nguồn: Bùi Minh Trí



39. Bình gốm thô, Bảo tàng An Giang
Nguồn: Bùi Minh Trí

41. Bình gốm Islam, Tây Á, tìm thấy tại miền Trung.
Nguồn: Bùi Minh Trí



41

Nghiên cứu so sánh hoa văn trang trí, đặc biệt là chất liệu, hình dáng của loại bình này cho thấy nó sự khác biệt hoàn toàn so với gốm Óc Eo cũng như gốm Ấn Độ, hay gốm Trung Quốc và gốm Đông Nam Á. Từ đây, chúng tôi đã đặt giả thiết về nguồn gốc của chúng có thể là gốm La Mã hay bối cảnh rộng hơn là đồ gốm của vùng Địa Trung Hải. Trong những năm qua, chúng tôi đã cố gắng đi tìm mối quan hệ giữa chúng với đồ gốm La Mã hay gốm Địa Trung Hải nhưng hiện vẫn chưa có tư liệu để so sánh.

Như vậy, với những tư liệu hiện biết chúng tôi chưa thể đưa ra kết luận về đồ gốm La Mã trong văn hóa Óc Eo. Nhưng bằng chứng từ tiền vàng, mặt dây chuyền hạt chuỗi thủy tinh và đèn dầu mang phong cách La Mã gợi ý đến sự có mặt của đồ gốm La Mã trong văn hóa Óc Eo. Những mảnh vỡ của những loại bình gốm thô nêu trong bài viết này

như là một gợi mở hướng nghiên cứu về gốm La Mã trong văn hóa Óc Eo cũng như khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh giao lưu thương mại quốc tế trong tương lai.

5. Đồ gốm Tây Á

Phát hiện quan trọng và đem lại nhiều vấn đề trong nghiên cứu văn hóa Óc Eo là hai mảnh gốm Tây Á hay còn gọi là gốm Islam đào được tại khu di tích Nền Chùa. Đây là hai mảnh thân vỡ nhỏ của loại bình gốm lớn có men màu xanh cobalt hay xanh dương. Xương gốm của hai mảnh bình này có màu trắng phấn, không cứng chắc mà khá mềm, men phủ khá dày và có độ thủy tinh hóa cao. Do nung ở nhiệt độ không cao nên men dễ bong tróc (Hình 40). Đây là đặc điểm rất khác biệt của gốm Islam so với đồ sứ Trung Quốc thời Đường.

Gốm Islam là tên gọi của loại gốm xốp có men màu xanh lam, được sản xuất ở vùng Tây Á, bao gồm Iran, Iraq và một phần Ba Tư. Theo lịch sử thì những đồ gốm có men xanh lam được bắt đầu sản xuất vào giai đoạn đầu của thời kỳ Hồi giáo, trong khoảng thế kỷ thứ VII (sau năm 623). Và qua các bằng chứng của khảo cổ học, chúng ta biết chắc chắn rằng, từ thế kỷ VIII, đặc biệt từ là thế kỷ IX-X, loại gốm men xanh Hồi giáo - gốm Islam đã trở thành nguồn hàng xuất khẩu quan trọng sang nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam (Bùi Minh Trí, 2003).

Tại Việt Nam, năm 1991, lần đầu tiên những mảnh gốm xốp có men màu xanh lam của xứ Hồi vùng Tây Á được chúng tôi và đoàn chuyên gia nghiên cứu gốm Nhật Bản tìm thấy cùng với đồ gốm Trường Sa (Trung Quốc) trên đảo Cù Lao Chàm (Hội An). Đây là hai trong 5 loại gốm được dùng để chỉ định cho hoạt động thương mại biển của con đường tơ lụa thế kỷ IX-X. Năm loại gốm đó là: gốm men ngọc của lò Việt (tỉnh Chiết Giang), gốm trắng lò Hình, lò Định (tỉnh Hà Bắc), gốm vẽ màu của lò gốm Trường Sa (tỉnh Hồ Nam), gốm men trắng xanh của các lò gốm tỉnh Quảng Đông và gốm men xanh lam (Islam) của vùng Tây Á. Bằng chứng này đã góp phần minh chứng về *Con đường gốm sứ trên biển* giữa Việt Nam và khu vực châu Á thế kỷ thứ IX. Tuyến đường này được hình thành và phát triển trên nền hoạt động mậu dịch của *Con đường tơ lụa trên biển* - con đường vốn đã hình thành từ thời Hán, xuất phát từ vùng ven biển Đông Nam Trung Quốc, qua Đông Nam Á, Nam Á, Trung Á đến các cảng miền biển Bắc Phi, rồi hợp với các tuyến hàng hải châu Âu - La Mã. Trong giai đoạn mở đầu đó, phần lớn những chuyến hàng gốm sứ đều do những thương nhân người Hoa và người Hồi thực hiện. Họ đã đem nhiều đồ gốm sứ từ chính quốc để trao đổi buôn bán với nước ngoài, đặc biệt là các nước trong khu vực Đông Nam Á như Indonesia, Philippines, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam (Bùi Minh Trí, 2003).

Tại Phu Khao Thong (Thái Lan), người ta đã tìm thấy một mảnh đáy bình gốm Islam và nó được suy đoán là đồ dùng của các thương gia đến thăm, không phải là đồ dùng buôn bán (Brigitte Borell, Bérénice Bellina & Boonyarit Chaisuwana, 2017). Tuy nhiên, bối cảnh phát hiện khảo cổ học cho biết rằng, đồ gốm men xanh Hồi giáo là mặt hàng

xuất khẩu rất nổi tiếng và nó đã cập bến đến nhiều địa điểm ven biển xung quanh Ấn Độ Dương từ Tanzania đến Pakistan và Đông Nam Á và đi xa về phía Đông như Nhật Bản (Glover, 2002).

Trong cuộc khai quật khu di tích Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) năm 2002-2004, một số lượng đáng kể đồ gốm Islam đã được tìm thấy. Phần lớn đây là những mảnh vỡ của loại bình men xanh lam hay xanh lục có thân hình trứng, cổ có hai quai đứng giống như những mảnh bình đã phát hiện được trên đảo Cù Lao Chàm và một số địa điểm ở miền Trung Việt Nam (Hình 41) (Tổng Trung Tín và Bùi Minh Trí, 2010; Bùi Minh Trí, 2016).

Hai mảnh gốm men xanh Tây Á phát hiện ở Nền Chùa đã đem lại nhiều điều bất ngờ cho giới nghiên cứu. Bởi đây là lần đầu tiên đồ gốm Islam được tìm thấy trong văn hóa Óc Eo và khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu so sánh có thể biết rằng, đây là mảnh của loại bình có thân hình trứng, chân đế nhỏ, trên vai thường có quai đứng. Đây là một trong những loại bình xuất khẩu rất phổ biến và nổi tiếng của gốm Islam trong thế kỷ VIII-IX. Nghiên cứu về chất liệu và men, hai mảnh gốm Islam này được xác định trong khung niên đại khoảng nửa đầu thế kỷ thứ VIII, tương đương với niên đại của loại bình tìm thấy tại Dazafu, Saidai-ji, Hakata (Nhật Bản) (Bùi Minh Trí, 2020; Seth Priestman, 2016).

Có thể nói, việc tìm thấy đồ gốm Islam trong di chỉ văn hóa Óc Eo đã mang lại sự ngạc nhiên thú vị cho giới nghiên cứu. Nó đang gợi mở nhiều vấn đề nghiên cứu mới về giai đoạn muộn hơn của nền văn hóa này cùng với sự nghiên cứu đa chiều về mạng lưới giao lưu kinh tế, văn hóa trong lịch sử của vùng đất Nam Bộ thời kỳ hậu Óc Eo.

6. Kết luận

Việc tìm thấy tiền Ngũ Thù, gương đồng Trung Quốc thời Đông Hán, chìa khóa bằng đồng La Mã, những hạt chuỗi khảm thủy tinh (mosaic) hay mạ vàng La Mã, những mái chèo cột dây có nét tương đồng với mái chèo của cư dân cổ Ấn Độ và Đông Nam Á hải đảo... tại cánh đồng Óc Eo năm 2017-2020 tiếp tục chứng minh sâu hơn sự giao thoa mạnh mẽ của Óc Eo với các nền văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ, Địa Trung Hải và Đông Nam Á trong lịch sử. Đặc biệt, bên cạnh số lượng lớn đồ gốm bản địa, những phát hiện mới về đồ gốm nước ngoài của Bùi Minh Trí (2020) đã cung cấp thêm nhiều bằng chứng mới về hoạt động thương mại, trao đổi hàng hóa đã từng diễn ra khá sôi động tại Óc Eo từ thế kỷ thứ I-II đến thế kỷ thứ VIII sau Công nguyên.

Trong các di chỉ khảo cổ học, những bằng chứng vật chất còn tồn tại đến ngày nay phần nhiều là đồ gốm. Đây là nguồn tư liệu quan trọng trong việc xác định niên đại và giải thích các di chỉ khảo cổ học, được các nhà khảo cổ học quan tâm nghiên cứu qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên, đồ gốm tìm thấy trong các di chỉ khảo cổ học vốn phổ biến là các mảnh vỡ, do đó, các nhà nghiên cứu thường gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định loại hình, đặc biệt là niên đại và nguồn gốc. Điều này cũng giải thích rằng, trong nhiều thập niên qua, các nhà khảo cổ học Việt Nam mới tập trung nghiên cứu nhiều hơn về đồ gốm Óc Eo, chưa có

những phát hiện hay nghiên cứu về đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo. Do đó, việc nghiên cứu xác định được những đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo trong bối cảnh thực hiện Đề án nghiên cứu văn hóa Óc Eo tại Nền Chùa (Kiên Giang) và Óc Eo (An Giang) trong những năm 2017-2020 đã cung cấp thêm nhiều tư liệu mới góp phần rất quan trọng trong việc giải mã về nguồn gốc và niên đại đồ gốm nước ngoài trong các sưu tập đồ gốm Óc Eo, vốn từng được xếp là gốm Óc Eo, hiện đang lưu giữ tại các bảo tàng ở miền Tây Nam Bộ.

Mặc dù vậy chúng ta biết rằng, nghiên cứu giải mã hình dáng, loại hình và nguồn gốc của những đồ gốm vỡ mảnh trong bối cảnh khảo cổ học luôn là vấn đề không đơn giản, có rất nhiều khó khăn, nhất là đối với những loại hình gốm độc đáo bởi do thiếu hụt về tư liệu. Theo đó, chúng tôi rất mong nhận được sự chia sẻ thông tin từ các bạn đồng nghiệp đối với những suy đoán ban đầu về đồ gốm La Mã cũng như gốm đen đánh bóng của Ấn Độ hay bình hình con vịt Ấn Độ nêu trong bài viết này để chúng ta có được những hiểu biết sâu rộng hơn về những loại hình gốm đặc sắc đã từng góp phần tạo nên những giá trị vật chất cho các nền văn hóa trong quá khứ. Việc chứng minh được những đồ gốm đen đánh bóng Bắc Ấn Độ có mặt trong nền văn hóa Óc Eo sẽ cho chúng ta có cơ sở để nghiên cứu sâu hơn về mạng lưới hải thương phía Đông Ấn Độ Dương. Đồng thời, khung niên đại tương đối của đồ gốm nước ngoài được xem như là chìa khóa để giải mã sâu hơn về khung niên đại và những giai đoạn phát triển của văn hóa Óc Eo.

Bối cảnh tư liệu khảo cổ học trong nhiều năm qua, đặc biệt là những phát hiện mới của khảo cổ học tại Nền Chùa và Óc Eo - Ba Thê trong những năm gần đây đã chứng minh thuyết phục rằng, đô thị Óc Eo được hình thành và giao thương thịnh vượng với Ấn Độ, La Mã và Trung Quốc từ những thế kỷ đầu Công nguyên. Nền Chùa là di tích nằm tiếp giáp bờ biển vịnh Thái Lan, ở khoảng giữa biển Đông và đô thị Óc Eo, do đó nó được xem như là một “cửa ngõ”, là điểm trung chuyển - kết nối quan trọng của mạng lưới hải thương quốc tế với đô thị Óc Eo.

Phát hiện và nghiên cứu những đồ gốm nước ngoài tìm thấy tại Nền Chùa và Óc Eo cho thấy trong nhiều thế kỷ, đô thị Óc Eo đã là một trung tâm thương mại quốc tế lớn thu hút các thương gia đến từ Ấn Độ, Trung Quốc, La Mã và Tây Á. Sự hưng thịnh của đô thị này được trỗi dậy mạnh mẽ nhất là từ khi người Ấn Độ lên làm vua Phù Nam. Theo nghiên cứu của Phan Huy Lê, trong phả hệ 14 đời vua Phù Nam thì có 2 vị vua là người Ấn Độ. Đó là vua Thiên Trúc Chiên Đàn (Chandan/Chandran) và Kiều Trần Như (Kaundinya II). Hai vị vua này đều theo dòng Bà La Môn. Thiên Trúc Chiên Đàn là vị vua thứ 10 của Phù Nam, làm vua từ năm 287 đến năm 357. Còn Kiều Trần Như là vị vua thứ 11 của Phù Nam, làm vua trong khoảng thế kỷ thứ IV-V (khoảng đến năm 425 sau Công nguyên). Trong thời gian này, hai vị vua người Ấn Độ chắc chắn đã tăng cường ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ vào Phù Nam. *Lương thư*, Q.54 có nói đến việc Kiều Trần Như đã “thay đổi pháp chế trong nước theo như quy chế của Thiên Trúc” (Phan Huy Lê, 2008).

Những phát hiện khảo cổ học tại Nền Chùa và Óc Eo - Ba Thê chứng minh rằng, từ thế kỷ IV-VI, Óc Eo - Ba Thê và Nền Chùa là nơi xây dựng nhiều công trình tôn giáo Hindu giáo

và Phật giáo. Đây là bằng chứng về giai đoạn ảnh hưởng sâu đậm và rõ ràng nhất từ văn hóa Ấn Độ đến đô thị Óc Eo. Một số nhà nghiên cứu gọi đây là giai đoạn Ấn Độ hóa (Bùi Chí Hoàng - chủ biên, 2018). Từ đây, yếu tố văn hóa Ấn đã trở thành bộ phận cấu thành của nền văn hóa Óc Eo bản địa. Ảnh hưởng Ấn Độ nhìn thấy rõ nhất qua đồ gốm và các di tích đền thờ từ giai đoạn Kushana (II-IV) và Gupta (IV-VI). Đây cũng là giai đoạn khảo cổ học tìm thấy nhiều bằng chứng của sự ảnh hưởng sâu đậm nhất văn hóa của Ấn Độ, bao gồm Hindu giáo và Phật giáo.

Phát hiện đồ gốm đến từ đế chế La Mã (thế kỷ II), Bắc Ấn Độ (thế kỷ I-VI), Trung Quốc (thế kỷ II-VIII) và Tây Á (thế kỷ VIII) đã minh họa rõ ràng mối quan hệ xuyên đại dương của đô thị Óc Eo trong lịch sử. Phát hiện những chiếc vôi bình kendi gốm Óc Eo tại di tích Angkor Borei (Stark, Miriam T., and Shawn Fehrenbach, 2019) hay ở địa điểm Lovea và Sophy (Cambodia) (Tse Siang Lim, 2020) và Khao Sam Kaeo (Thái Lan) (Bérénice Bellina, Aude Favereau, Laure Dussubieux, 2019) cũng đã minh họa rõ ràng cho việc đồ gốm Óc Eo đã từng được xuất khẩu sang khu vực Đông Nam Á trong cùng bối cảnh nhập khẩu gốm Ấn Độ và Trung Quốc.

Đồ gốm nước ngoài tại Nền Chùa và Óc Eo cho chúng ta thấy khung thời gian tương ứng với lịch sử phát triển của văn hóa Óc Eo từ thế kỷ I-II đến thế kỷ thứ VIII sau Công nguyên và một cái nhìn tổng quan hơn về mối quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa của đô thị Óc Eo. Đây là cơ sở khoa học quan trọng trong việc xác định khung niên đại tương đối cho các giai đoạn phát triển của đô thị Óc Eo. Đồng thời, nguồn tư liệu này cũng đã góp phần lý giải sâu hơn về tính bản địa và tính truyền thống riêng biệt của gốm Óc Eo trong lịch sử gốm cổ châu Á và Đông Nam Á.

Tài liệu tham khảo

1. Aoyagi Yoji (1991), “Đồ gốm Việt Nam đào được trên các hòn đảo ở Đông Nam Á”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 4.
2. Đào Linh Côn (2003), “Lò gốm thời kỳ Óc Eo ở di chỉ Nền Vua (ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, Kiên Giang)”, *Những thành tựu khoa học xã hội và nhân văn ở các tỉnh phía Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đào Linh Côn, Nguyễn Thị Mỹ Hồng (2004), “Di chỉ Giồng Xoài (xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang)”, *Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Bùi Phát Diệm (2002), “Từ những đồng tiền kim loại và những hiện vật La Mã thuộc Văn hóa Óc Eo với vùng Địa Trung Hải”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 1.
5. Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải (1995), *Văn hóa Óc Eo - Những khám phá mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Anh Dũng (1986), “Lò gốm thế kỷ I-X”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 2.

7. Trần Anh Dũng (2005), “Các khu lò sản xuất đồ gốm cổ 10 thế kỷ đầu công nguyên ở Việt Nam”, *Một thế kỷ khảo cổ học ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Bùi Chí Hoàng (chủ biên) (2018), *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Phan Huy Lê (2008), *Qua di tích văn hóa Óc Eo và thư tịch cổ thử nhận diện nước Phù Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Văn hóa Óc Eo và Vương quốc Phù Nam” nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo (1944-2004), Nxb Thế giới, Hà Nội.
10. Lê Thị Liên (1998), “Về những hình trang trí trên một mảnh gốm ở Bảo tàng Kiên Giang”, *Những phát hiện mới Khảo cổ học năm 1997*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Lê Thị Liên (2001), “Chứng cứ khảo cổ học về buổi đầu tiếp xúc với Ấn Độ ở đồng bằng sông Cửu Long”, Tạp chí *Đông Nam Á*, số 6.
12. Lương Ninh (2002), “Một thế kỷ nghiên cứu Phù Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3.
13. O. Janse (1939), *Sưu tầm khảo cổ học Đông Dương* - Bản dịch, Tư liệu Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
14. Vũ Văn Quân (2008), *Vùng đất Nam Bộ thời cổ đại - Từ tư liệu thư tịch đến khảo cổ học*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Văn hóa Óc Eo và Vương quốc Phù Nam” nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo (1944-2004), Nxb Thế giới, Hà Nội.
15. Hà Văn Tấn (1997), “Óc Eo - Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh”, *Theo dấu các văn hóa cổ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Tống Trung Tín và Bùi Minh Trí (2010), *Thăng Long - Hà Nội, lịch sử ngàn năm dưới lòng đất*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Bùi Minh Trí (1986), *Thành cổ Luy Lâu (xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)*, Luận án tốt nghiệp đại học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
18. Bùi Minh Trí - Kerry Nguyễn Long (2001), *Gốm hoa lam Việt Nam - Vietnamese Blue and White Ceramics*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Bùi Minh Trí (2003), “Tìm hiểu ngoại thương Việt Nam qua Con đường gốm sứ trên biển”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 5.
20. Bùi Minh Trí (2016), *Những khám phá khảo cổ học dưới lòng đất Nhà Quốc hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Bùi Minh Trí (2020), “Đồ gốm nước ngoài trong văn hóa Óc Eo và một vài nhận thức mới về Văn hóa Óc Eo, tiếp cận từ nghiên cứu so sánh”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 2.
22. Bùi Minh Trí (2021), “Gốm Tống - Trung Quốc trong Hoàng cung Thăng Long”, *Kinh thành cổ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Đỗ Quang Trọng (2002), “Khu lò gốm cổ Tam Thọ xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa”, *Thanh Hóa di tích và danh thắng*, t.2, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa.
24. Akinori Uesugi (2014), “A Note on the Rang Mahal Pottery, Heritage”, *Journal of Multidisciplinary Studies in Archaeology* 2, pp.125-151.
25. Anjana Reddy (2015), “Sourcing Indian ceramics in Arabia: actual imports and local imitations”, *Proceedings of the Seminar for Arabian Studies* 45, pp. 253-272.

26. Aoyagi Yoji (1992), "The Trend of Vietnamese Ceramics in the History of Ceramic Trade with Particular Reference to the Islands of Southeast Asia", *Journal of East - West Maritime Relations*, No. 2, pp.1-17.
27. Aude Favereau, Berenice Bellin (2016), "Thai-Malay Peninsula and South China Sea networks (500BCeAD 200), based on an appraisal of "Sa Huynh - Kalanay"- related ceramics", *Quaternary International* xxx, pp.1-9.
28. Bérénice Bellina, Aude Favereau, Laure Dussubieux (2019), "Southeast Asian early Maritime Silk Road trading polities' hinterland and the sea-nomads of the Isthmus of Kra", *Journal of Anthropological Archaeology* 54, pp.102-120.
29. Berenice Bellina and Ian Glover (2004), *The Archaeology of Early Contact with India and the Mediterranean World from the Fourth Century BC to the Fourth*.
30. Century AD (2004), *Southeast Asia: From prehistory to History*, Edited by Ian Glover and Peter Bellwood, Routledge Curzon, Great Britain, pp.68-83.
31. B.R. Mani, I.D. Dwivedi, S.K. Manjul and Arwin Manjul (2009), "Excavation at Lathiya (Ghazipur District, Uttar Pradesh)", *Ancient India, New Series*, No. 1, pp.213-232.
32. Dawn F. Rooney (2003), "Kendi in the Cultural Context of Southeast Asia A Commentary", *SPAFA Journal*, Vol. 13, No. 2, pp.5-16.
33. Gautam Sengupta and Sukanya Sharma (2009), "Archaeology in North-East India: The Post-Independence Scenario", *Ancient India, New Series*, No. 1, pp.353-368.
34. George (Editor) (1976), *Islamic Arts*, Arts Council UK, ISBN 0-7287-0081-6. Golover I.C (1996) the southern silk route: Archaeological evidence for early trade between India and Southeast Asia, In Srisuchat Amara (ed) 1996, *Ancient trade and cultural contact in Southeast Asia*, The Office of the National Culture Commission, Bangkok, Thailand.
35. Jean Bussière and Birgitta Lindros Wohl (2018), *Ancient Lamps in the J. Paul Getty Museum*, Published by the J. Paul Getty Museum, Los Angeles.
36. Heidrun Schenk (2014), "Tissamaharama Pottery sequence and the Early Historic maritime Silk Route across the Indian Ocean", *Zeitschrift für Archäologie Außereuropäischer Kulturen* 6, pp.95-117.
37. Heidrun Schenk (2015), "Role of ceramics in the Indian Ocean maritime trade during the Early Historical Period, in Sila Tripathi editor", *Maritime Contacts Of The Past: Deciphering Connection Amongst Communities*, New Delhi, India, Prahlad House, pp.143-181.
38. Huang Qishan, Zhang Kai (2002), *Guangxi Bowuguan Gu Taoci Jingcui* [Gems of Ancient ceramics in Guangxi Museum] (Beijing: Wenwu Chubanshe, 2002).
39. Manguin P.Y (2004), "The archaeology of early maritime polities of Southeast Asia, in Ian Glover and Peter Belwood (ed)", *Southeast Asia from Prehistory to History*, Routledge Curzon, New York.
40. Mario A. Del Chiaro (1986), "A Clusium Group Duck-Ashes in Malibu", *Greek Vases in the J.Paul Getty Museum*, The J. Paul Getty Museum Malibu, California, Volume 3, pp.139-142.
41. N. B. Divatia (1930-31), "The Vinā in Ancient Times", *Annals of the Bhandarkar Oriental Research Institute*, Vol. 12, No. 4 (1930-31), pp.362- 371. Published by: Bhandarkar Oriental Research Institute.

42. Piyal Bhattacharya and Shreetama Chowdhury (2021), “How the ancient Indian Vīṇā travelled to other Asian countries: A reconstruction through scriptures, sculptures, paintings and living traditions”, *National Security, Vivekananda International Foundation*, Vol. IV (1), pp.44-62.
43. Seth Priestman (2016), “The Silk Road or the Sea? Sasanian and Islamic Exports to Japan”, *Journal of Islamic Archaeology*, ISSN (print) 2051-9729, JIA 3.1, 1-35.
44. Shuang Wu1, Shou Lei Gao (2021), Research on the kiln site protection and utilization of early Yue in Zhejiang based on protection first, E3S Web of Conferences 267, 01033 (2021) *ICESCE 2021*, 1-5.
45. Upendra Thakur (1974), “A Unique Silver Coin of Samudragupta”, *East and West*, Vol. 24, No.1/2, pp.121-125, Published by: Istituto Italiano per l'Africa e l'Oriente (IsIAO).
46. Upendra Thakur (1980), “Source of Gold for Early Gold Coins of India”, *East and West*, Vol. 30, No. 1/4, pp.99-115. Published by: Istituto Italiano per l'Africa e l'Oriente (IsIAO).
47. Tse Siang Lim (2020), *Ceramic Variability, Social Complexity and the Political Economy in Iron Age Cambodia and Mainland Southeast Asia (c. 500 BC-AD 500)*, School of Archaeology and Anthropology, The Australian National University.
48. Stark, Miriam T. (2000), “Pre-Angkor Earthenware Ceramics from Cambodia’s Mekong Delta”, *Udaya: Journal of Khmer Studies* 1, pp.69-90.
49. Stark, Miriam T., and Shawn Fehrenbach (2019), “Earthenware Ceramic Technologies of Angkor Borei, Cambodia”, *Udaya: Journal of Khmer Studies*, No. 14.
50. Wolf, Richard K. (1991), “Style and tradition in Karaikkudi vina playing”, *Asian Theatre Journal* 8 (2), pp.118-141.
51. Zhu Shenglin et al (2011), *Ci mei ru hua - Guancang Ciqi Jingpin Tuji* [Exquisite as Flowers - Catalogue of Museum Porcelain Collection] (Guangxi: Guangxi Jiaoyu Chubanshe, 2011).
52. Louis Malleret (1959), *L'Archéologie du Delta du Mékong*, Volum I, BEFEO, Paris.
53. Louis Malleret (1960), *L'Archéologie du Delta du Mékong*, Volum II. BEFEO, Paris.
54. Louis Malleret (1962), *L'Archéologie du Delta du Mékong*, Volum III. BEFEO, Paris.
55. Zhu Shenglin et al (2011), *Ci mei ru hua - Guancang Ciqi Jingpin Tuji*, Exquisite as Flowers – Catalogue of Museum Porcelain Collection.
56. Henry S. Robinson (1959), *Pottery of the Roman Period: Chronology, The Athenian Agora*, Vol. 5, Published by: The American School of Classical Studies at Athens Stable URL. <http://www.jstor.org/stable/3601961>, truy cập ngày 11 tháng 11 năm 2021.
57. Richard Hubbard Howland (1958), *Greek Lamps and Their Survivals, The Athenian Agora*, Vol. 4, Published by The American School of Classical Studies at Athens Stable URL. <http://www.jstor.org/stable/3601959>, truy cập ngày 11 tháng 11 năm 2021.
58. Roda, Allen (2000), “Musical Instruments of the Indian Subcontinent”, *Heilbrunn Timeline of Art History*, New York: The Metropolitan Museum of Art, 2000. http://www.metmuseum.org/toah/hd/indi/hd_indi.htm (March 2009), truy cập ngày 11 tháng 11 năm 2021.
59. Will, Elizabeth L., (2018), “Rough Cilicia Archaeological Survey Project: Analysis of Amphora Finds Season 2000 Summer”, *Rough Cilicia Archaeological Survey Project, 1996-2011*, Paper 6, <http://dx.doi.org/10.5703/12882843167>, truy cập ngày 11 tháng 11 năm 2021.

